

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày: 18 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Tới và ông Phạm Như Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Hiền và bà Bùi Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. QUÁCH CÔNG V, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1970 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi ĐKKTT/Chỗ ở: Xóm V, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Cán bộ (nguyên Phó Bí thư Đảng ủy xã X nhiệm kỳ 2015 - 2020; nguyên Chủ tịch UBND xã X nhiệm kỳ 2016 - 2021; nguyên Bí thư Đảng ủy xã Y nhiệm kỳ 2020 - 2025; nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Y nhiệm kỳ 2021 - 2026); trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Công N (đã chết) và bà Quách Thị M; bị cáo có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1972 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2023, được tại ngoại do bảo lãnh từ ngày 19/6/2023, Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. BÙI VĂN H, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1961 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi ĐKKTT/Chỗ ở: Xóm X, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị T (đã chết); bị cáo có vợ là Bùi Thị D, sinh năm 1965 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2023, được tại ngoại do được bảo lãnh từ ngày 02/6/2023, Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN DUY H, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1975 tại Trục Ninh - Nam

Định. Nơi ĐKKHKT/Chỗ ở: Xóm N, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Công chức địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1977 (đã chết) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

1. *Các bị hại:* Gồm 35 hộ, cá nhân trú tại xóm Xóm B, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

- 1.1. Bùi Thị N, sinh năm 1964. Có mặt.
- 1.2. Quách Thị V, sinh năm 1962. Có mặt.
- 1.3. Bùi Thị C1, sinh năm 1980. Có mặt.
- 1.4. Quách Văn N, sinh năm 1969. Có mặt.
- 1.5. Bùi Thị L, sinh năm 1977. Có mặt.
- 1.6. Bùi Văn C1, sinh năm 1966. Có mặt.
- 1.7. Bùi Văn D1, sinh năm 1977. Có mặt.
- 1.8. Bùi Thị Đ, sinh năm 1964. Có mặt.
- 1.9. Bùi Minh D, sinh năm 1992. Có mặt.
- 1.10. Bùi Thị Cẩm L, sinh năm 1994. Có mặt.
- 1.11. Quách Văn H, sinh năm 1966. Vắng mặt.
- 1.12. Bùi Thị M, sinh năm 1978. Có mặt.
- 1.13. Quách T, sinh năm 1985. Có mặt.
- 1.14. Quách K, sinh năm 1974. Có mặt.
- 1.15. Bùi Thị C2, sinh năm 1966. Có mặt.
- 1.16. Quách Văn Đ, sinh năm 1994. Có mặt.
- 1.17. Quách Công D, sinh năm 1958. Có mặt.
- 1.18. Bùi Thị H, sinh năm 1972. Vắng mặt.
- 1.19. Bùi Văn N, sinh năm 1978. Có mặt.
- 1.20. Bùi Thị Đ, sinh năm 1987. Có mặt.
- 1.21. Quách Thị V, sinh năm 1982. Có mặt.
- 1.22. Bùi Thị C3, sinh năm 1974. Có mặt.
- 1.23. Bùi Thị D, sinh năm 1948. Có mặt.
- 1.24. Quách Văn Q, sinh năm 1973. Vắng mặt.
- 1.25. Quách Công T, sinh năm 1981. Có mặt.

- 1.26. Quách Thị K, sinh năm 1959. Có mặt.
- 1.27. Bùi Thị Q, sinh năm 1969. Có mặt.
- 1.28. Quách Hồng L, sinh năm 1954. Có mặt.
- 1.29. Quách Công X, sinh năm 1982. Có mặt.
- 1.30. Bùi Văn H, sinh năm 1980. Có mặt.
- 1.31. Bùi Văn C2, sinh năm 1966. Có mặt.
- 1.32. Bùi Thị H, sinh năm 1969. Có mặt.
- 1.33. Bùi Văn D2, sinh năm 1977. Vắng mặt.
- 1.34. Bùi Thị T1, sinh năm 1965. Có mặt.
- 1.35. Bùi Thị T2, sinh năm 1986. Có mặt.

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ trụ sở: Thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện: Ông Bùi Văn Khánh – Phó Chủ tịch UBND huyện Lạc Sơn. Có mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ trụ sở: Xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Anh Quốc V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X. Có mặt.

2.3. Ông Quách Văn R, sinh năm 1946. Có mặt.

2.4. Ông Quách Công H, sinh năm 1982. Có mặt.

2.5. Bà Quách Thị X, sinh năm 1957. Có mặt.

2.6. Ông Quách Văn D, sinh năm 1969. Có mặt.

2.7. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1986. Có mặt.

2.8. Bà Quách Thị H, sinh năm 1962. Có mặt.

2.9. Ông Quách Văn H, sinh năm 1975. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2.10. Ông Bùi Văn C3, sinh năm 1954. Địa chỉ: Xóm Bắp 2, xã Xuất Hóa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

2.11. Ông Quách Văn D, sinh năm 1995. Có mặt.

2.12. Ông Quách Văn L, sinh năm 1971. Vắng mặt.

2.13. Ông Quách Văn C, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Những người làm chứng:

3.1. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1949. Địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nguyên là Bí thư xóm B. Có mặt.

3.2. Ông Bùi Văn H (tên gọi khác là Bùi Hoàng H), sinh năm 1965. Địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nguyên là công chức địa chính nông

nghiệp xã X. Vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm V, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bảo vệ kiêm thủ quỹ xã X. Có mặt.

3.4. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nguyên Phó Bí thư thường trực xã X. Có mặt.

3.5. Ông Quách Hồng L, sinh năm 1954. Địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nguyên Trưởng xóm B, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Quách Công V do nắm bắt được hiện trạng đất tại khu vực Đàm Trạch, Thi Bươu, Khuông Trâu thuộc xóm B, xã X là đất ruộng một vụ thiếu nước. Việc trồng lúa, hoa màu không có hiệu quả, nhiều hộ gia đình đã bỏ hoang và có nhu cầu muốn làm nhà ở để kinh doanh buôn bán, nên Quách Công V đã báo cáo, xin ý kiến Bùi Văn H (khi đó là Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã) về việc đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn thu hồi khu đất ruộng trên để chuyển mục đích thành đất ở nông thôn theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. Bùi Văn H đồng ý và giao cho Quách Công V thực hiện. Sau đó, nội dung này được Quách Công V thông báo cho tập thể lãnh đạo xã gồm Bùi Văn H, Bùi Văn L (Phó Bí thư Đảng uỷ xã), Đặng Thị S (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) và Bùi Văn H2 (Công chức địa chính xã) tại một số lần hội ý công việc vào đầu giờ làm việc của xã. Do đã có sự đồng thuận của Bùi Văn H nên chỉ thông báo mà không phân công giao việc cho bà S, ông L và ông H2 thực hiện các công việc liên quan đến quá trình thu hồi, giao đất nêu trên.

Quá trình triển khai thực hiện, do khu đất này không thuộc các trường hợp thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, không thuộc diện tích đất thu hồi trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ để thu hồi đất chỉ có phương án vận động các hộ gia đình tự nguyện trả lại đất và phương án này không thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường theo quy định nên các hộ dân không nhất trí trả lại đất. Vì thế, Quách Công V đã giao Nguyễn Duy H lập khái toán mức bồi thường là 55.000đ/m² và đối chiếu mức thu mà các hộ được giao đất phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định tại bảng giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình áp dụng đối với đất ở nông thôn vị trí 1 khu vực 5 là 300.000đ/m²; vị trí 1 khu vực 3 là 900.000đ/m². Các hộ gia đình, cá nhân xin giao đất đều là đồng bào dân tộc thiểu số nên được giảm 50% tiền sử dụng đất; vị trí 1 khu vực 5 chỉ phải nộp 150.000đ/m²; vị trí 1 khu vực 3 chỉ phải nộp 450.000đ/m². Trên cơ sở khái toán Nguyễn Duy H lập, Quách Công V quyết định thu tăng thêm 200.000đ/m² với tất cả các vị trí đất được giao; vị trí 1 khu vực 5 phải nộp 350.000đ/m², vị trí 1 khu vực 3 phải nộp 650.000đ/m². Quyết định thu thêm này, Quách Công V có báo cáo Bùi Văn H lý do tăng thêm là để lấy tiền bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất, phần còn lại sử dụng chi trả xây dựng các công trình nông thôn mới và chi cho hoạt

động chung của xã. Bùi Văn H đồng ý và giao cho Quách Công V chỉ đạo, thực hiện.

Ngày 26/8/2016, Quách Công V, Nguyễn Duy H cùng ông Bùi Văn D (Bí thư Chi bộ xóm B), ông Quách Công L (Trưởng xóm B) tiến hành khảo sát thực tế địa điểm dự kiến đề nghị thu hồi đất và giao đất, đồng thời tiến hành họp với các hộ dân để tuyên truyền việc thu hồi đất. Tại cuộc họp, Quách Công V thông báo khu Đầm Trạch, Thị Bươu, Khuông Trâu đã được Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn quy hoạch chuyển thành đất ở nông thôn để làm khu giãn dân. Các hộ dân trong khu vực dự kiến thu hồi, nếu làm đơn tự nguyện trả lại đất sẽ nhận được tiền bồi thường theo đơn giá nhà nước là 55.000đ/m² và sẽ được ưu tiên giao đất ở. Hộ nào xin giao đất ở thì đăng ký và nộp tiền 350.000đ/m² đối với đất vị trí 1 khu vực 5; nộp 650.000đ/m² đối với đất vị trí 1 khu vực 3. Khi biết chắc các hộ dân sẽ có đơn tự nguyện trả lại đất và mọi việc diễn ra như tính toán ban đầu, Quách Công V tiếp tục chỉ đạo Nguyễn Duy H hướng dẫn làm các thủ tục về việc tự nguyện trả lại đất; soạn thảo Đơn xin giao đất và dự thảo thủ tục để Quách Công V ký, trình Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn ra quyết định thu hồi đất. Đồng thời giao cho Quách Hồng L tiến hành thu tiền của các hộ dân trong danh sách đề nghị giao đất.

Căn cứ các thủ tục đề nghị của Ủy ban nhân xã X và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lạc Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn ban hành Quyết định số 72xx/QĐ-UBND, ngày 16/9/2016 về việc thu hồi 6.415m² đất nông nghiệp của 28 hộ gia đình, cá nhân và giao cho Ủy ban nhân dân xã X quy hoạch làm khu giãn dân. Ngày 25/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn ban hành Quyết định số 89xx/QĐ-UBND về việc giao 3.864m² đất ở nông thôn cho 35 hộ dân, các nhân tại xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình.

Số tiền các bị cáo thu từ 35 hộ dân, cá nhân được giao đất là 2.337.220.000 đồng trong khi theo quy định chỉ phải nộp tổng cộng 1.626.555.000 đồng gồm tiền sử dụng đất 1.571.555.000 đồng; tiền phí thẩm định 42.000.000 đồng; tiền trích đo, trích lục 13.000.000 đồng. Như vậy, số tiền thu tăng thêm là 710.665.000 đồng. Đối với số tiền các hộ dân, cá nhân phải nộp theo quy định 1.626.555.000 đồng, Quách Công V chỉ đạo nộp vào ngân sách Nhà nước. Số tiền thu tăng được sử dụng trái quy định là chi bồi thường thu hồi đất 349.525.000 đồng; chi giao dịch cấp đất 15.000.000 đồng; chi tiếp khách 1.160.000 đồng; chi bồi thường diện tích đất làm sân bóng 90.000.000 đồng; chi trả quỹ chuyên dùng 70.000.000 đồng; chi di chuyển cột điện 3.600.000 đồng; chi tiền ăn các lần trích đo 3.500.000 đồng; chi đền bù làm đường vào khu giãn dân 5.000.000 đồng; chi trả tiền làm đường bê tông của xóm 172.880.000 đồng.

Tang vật thu giữ được tại giai đoạn điều tra và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Vaio Sony của Nguyễn Duy H; 01 USB vỏ kim loại màu bạc, nhãn hiệu Kingston DTSE9, có dung lượng 08GB chứa các dữ liệu chứng cứ;

- 01 quyển sổ bìa màu đỏ, ghi "Diary - DB 160), kích thước 175 x 250mm, có 72 trang chữ viết; 01 quyển sổ kế toán bìa màu xanh ghi: Họ tên Quách Hồng L. địa chỉ: xóm B, xã X. Điện thoại: 0984570xxx, có 66 trang viết chữ; 01 quyển sổ

“Giáo án” bìa màu trắng - xanh có ghi: Xóm Bắp 2. Biên bản. Bùi Văn H, có 46 trang viết chữ; 01 quyển sổ không có bìa, ghi “PHÚC VINH”, có 91 trang chữ viết; 01 quyển sổ Quỹ tiền mặt, ghi; Đơn vị: X. Địa chỉ: Xóm B, có 02 trang chữ viết; 03 quyển phiếu thu (liên 2), bìa màu đỏ; 01 quyển phiếu chi (Liên 2), bìa xanh;

- 01 tập tài liệu gồm danh sách các hộ nộp tiền giao đất ở gần dân tại xóm B, xã X năm 2015.

Các bị cáo Bùi Văn H đã giao nộp số tiền 250.000.000 đồng (do con trai là Bùi Tri K trực tiếp giao nộp); Quách Công V giao nộp 210.665.000 đồng (vợ là bà Quách Thị X trực tiếp giao nộp 100.000.000đ); Nguyễn Duy H giao nộp 250.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã X có văn bản 317/UBND-VP, ngày 10/7/2023 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với lý do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích chung của xã phấn đấu huy động nguồn lực cho các tiêu chí đạt nông thôn mới của xã, xây dựng các công trình phúc lợi cho nhân dân, vì lợi ích chung của xã, không phải vì vụ lợi cá nhân, bản thân các bị cáo có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương và được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-P1, ngày 12/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố các bị cáo Quách Công V, Bùi Văn H và Nguyễn Duy H về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với Bùi Văn L, Đặng Thị S và Bùi Văn H2 là những người có chức vụ quyền hạn, có được nghe Quách Công V thông báo về việc thu hồi đất và thu tiền sử dụng đất của các hộ dân nhưng không được phân công nhiệm vụ liên quan đến công tác thu hồi, giao đất, không nắm được nội dung cụ thể và không được bàn bạc, tham gia ý kiến về việc thu tăng thêm 200.000đ/m² đất trái quy định, không được hưởng lợi ích từ việc thu tiền của các hộ dân nên Cáo trạng không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh, điều khoản luật áp dụng đối với các bị cáo. Xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo đã tự nguyện, tích cực bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả; thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bản thân các bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác và được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen; gia đình các bị cáo có công với cách mạng, bị cáo Bùi Văn H đã trên 60 tuổi, bị cáo Nguyễn Duy H vợ chết và phải một mình nuôi con nhỏ, các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Quách Công V; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Duy H. Đề nghị xử phạt bị cáo Quách Công V từ 30 đến 36 tháng tù; xử phạt Bùi Văn H và Nguyễn Duy H mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù và cho hưởng

án treo. Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Quách Công V, Nguyễn Duy H đảm nhiệm chức vụ trong hạn 02 năm. Về vật chứng của vụ án: đề nghị tịch thu, phát mại nộp vào ngân sách nhà nước 01 máy tính xách tay của Nguyễn Duy H. Các vật chứng là sổ sách, USB là tài liệu chứa chứng cứ phạm tội cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi hoàn lại số tiền đã thu thêm là 200.000đ/m² đất khi thu tiền sử dụng đất. Đối với các bị hại đã được thanh toán tiền bồi thường sau khi thu hồi đất yêu cầu các bị cáo bồi hoàn lại số tiền đã thu thêm là 200.000đ/m², sau khi đã trừ số tiền bồi thường đã được nhận. Về trách nhiệm hình sự, các bị hại đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. UBND xã X giữ quan điểm xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung cáo trạng phản ánh; không kêu oan và chấp nhận các khoản bồi thường. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Duy H xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo*: Trong năm 2016, các bị cáo Quách Công V khi đó là Chủ tịch UBND xã X, Bùi Văn H khi đó là Bí thư Đảng ủy xã X, Nguyễn Duy H khi đó là công chức địa chính xã X đã vì uy tín cá nhân để hoàn thành các chỉ tiêu nông thôn mới mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình làm trái các quy định của pháp luật trong khi thi hành công vụ; đã tiến hành lập kế hoạch thu hồi đất và bồi thường đất cho cho 28 hộ dân không thuộc trường hợp được bồi thường, tự ý đặt ra và thu thêm 200.000đ/m² đất của 35 hộ dân khi được giao đất ở nông thôn gây thiệt hại cho 35 hộ dân này là 710.665.000 đồng, tự ý chi các khoản chi mà đúng ra phải huy động tại các nguồn lực tài chính hợp pháp khác. Các hành vi này không thuộc thẩm quyền, chức trách, nhiệm vụ của các bị cáo theo quy định của pháp luật. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Số tiền các bị cáo gây thiệt hại nằm trong khoảng từ 200.000.000đ đến dưới 1.000.000.000đ. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình*

sự của các bị cáo: Tội phạm mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã trực tiếp xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, làm cho các cơ quan Nhà nước suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân. Bản thân các bị cáo là người có nhận thức xã hội, có hiểu biết pháp luật, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vì mục đích nâng cao uy tín cá nhân trong việc quyết toán các hạng mục xây dựng nông thôn mới của xã X nên đã làm trái quy định của Nhà nước trong khi thi hành công vụ, gây thiệt hại cho 35 hộ dân. Do vậy, cần áp dụng đối với mỗi bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, đủ để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích và để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:* Trong vụ án các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm. Trong vụ án, nổi lên vai trò chủ mưu, cầm đầu của bị cáo Quách Công V; bị cáo V là người nảy sinh ý định đề nghị thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đưa ra ý tưởng và chỉ đạo thực hiện việc thu thêm của mỗi hộ gia đình nhận giao đất 200.000đ/m², chỉ đạo việc bồi thường và chi trả các khoản chi trái pháp luật. Do vậy, bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với Bùi Văn H là đồng phạm giúp sức tích cực về mặt tinh thần; bản thân Bùi Văn H là lãnh đạo cao nhất trong xã, đã buông lỏng quản lý, nghe theo tham mưu và chỉ đạo các bị cáo thực hiện các hành vi phạm tội. Đối với Nguyễn Duy H là đồng phạm giúp sức tích cực thực hiện hành vi phạm tội; đã tham mưu và lập, đưa ra mức bồi thường cho các hộ dân không thuộc diện bồi thường, soạn thảo các giấy tờ, thủ tục và trực tiếp liên hệ với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lạc Sơn làm các thủ tục thu hồi đất, giao đất. Do đó, các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Duy H phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo đã tự nguyện và tích cực bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Bản thân các bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác và được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra, gia đình các bị cáo có công; chính quyền địa phương và các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; các bị cáo đều đã có nhiều năm phục vụ sự phát triển của địa phương; bị cáo Bùi Văn H đã trên 60 tuổi, bị cáo Nguyễn Duy H có hoàn cảnh gia đình éo le; vợ chết và phải một mình nuôi con nhỏ. Đây là tình tiết Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo đều có nhiều hơn 02 tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 và với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố, xét xử theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự 2015. Điều này phù hợp nguyên tắc xử lý khoan hồng đối với tội phạm về chức vụ quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP, ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đối với các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Duy H có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội

đồng xét xử xét không cần bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đề nghị của Kiểm sát viên, của các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Duy H xin hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo đã tự nguyện khắc phục lượng tài sản lớn, bản thân và gia đình không có khả năng nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo Quách Công V và Nguyễn Duy H còn trong độ tuổi lao động và cần đảm nhiệm chức vụ đối với hai bị cáo này khoảng thời gian theo đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại có yêu cầu các bị cáo bồi hoàn số tiền thu thêm 200.000đ/m² đất so với quy định của Nhà nước khi được giao đất ở nông thôn, đối với các bị hại đã được thanh toán tiền sau khi thu hồi đất yêu cầu các bị cáo bồi hoàn lại số tiền đã thu thêm là 200.000đ/m², sau khi đã trừ số tiền đã được nhận. Xét đây là thiệt hại thực tế và yêu cầu chính đáng của các bị hại nên cần chấp nhận; buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi hoàn lại số tiền thu chênh lệch thêm của 35 hộ dân, cụ thể đối với các hộ dân được giao đất nhưng không có đất tự nguyện trả thì được nhận số tiền bồi thường 200.000đ/m² nhân với diện tích đất được giao, trừ đi chi phí đo đạc bình quân là 1.571.429đ/hộ; đối với các hộ dân có đất tự nguyện trả lại thì được nhận số tiền bồi thường 200.000đ/m² nhân với diện tích đất được giao, trừ đi số tiền đã được nhận bồi thường khi trả lại đất và chi phí đo đạc bình quân là 1.571.429đ/hộ. Đối với các khoản chi trả cho các hạng mục đường bê tông, bồi thường cho các hộ dân khi thu hồi đất làm sân bóng, bồi thường cho các hộ dân có đất tự nguyện giao trả nhưng không nhận giao đất và những khoản chi trái pháp luật khác là chi giao dịch cấp đất 15.000.000 đồng; chi tiếp khách 1.160.000 đồng; chi trả quỹ chuyên dùng 70.000.000 đồng; chi di chuyển cột điện 3.600.000 đồng; chi tiền ăn các lần trích đo 3.500.000 đồng là các khoản chi trái quy định, cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, các bị cáo tự nguyện bồi thường các khoản này nên xét do các bị cáo tự nguyện và lỗi do các bị cáo gây ra nên cần chấp nhận. Khoản tiền còn lại của khoản 710.665.000 đồng, sau bồi thường cho các hộ dân và trừ đi các khoản chi trái pháp luật của các bị cáo là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] *Về vật chứng của vụ án*: Vật chứng là 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Vaio Sony của Nguyễn Duy H là công cụ phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu, phát mại nộp vào ngân sách nhà nước; 01 USB vỏ kim loại màu bạc, nhãn hiệu Kington DTSE9, có dung lượng 08GB chứa các dữ liệu; 01 quyển sổ bìa màu đỏ, ghi “Diary - DB 160), kích thước 175 x 250mm, có 72 trang chữ viết; 01 quyển sổ kế toán bìa màu xanh ghi: Họ tên Quách Hồng L. địa chỉ: xóm B, xã X. Điện thoại: 0984570xxx, có 66 trang viết chữ; 01 quyển sổ Giáo án bìa màu trắng - xanh có ghi: Xóm B. Biên bản. Bùi Văn H, có 46 trang viết chữ; 01 quyển sổ không có bìa, ghi “PHÚC VINH”, có 91 trang chữ viết; 01 quyển sổ Quỹ tiền mặt, ghi: Đơn vị: X. Địa chỉ: Xóm B, có 02 trang chữ viết; 03 quyển phiếu thu (liên 2), bìa màu đỏ; 01 quyển phiếu chi (Liên 2), bìa xanh; 01 tập tài liệu gồm danh sách các hộ nộp tiền giao đất ở giãn dân tại xóm B, xã X năm 2015. Đây là các tài liệu

lưu giữ chứng cứ, đã đánh số bút lục, gắn liền với hồ sơ vụ án nên cần lưu giữ theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Quách Công V;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn H.

Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Duy H.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Quách Công V, Bùi Văn H và Nguyễn Duy H phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Quách Công V 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi 05 tháng 09 ngày tạm giam (từ ngày 10/01/2023 đến ngày 19/6/2023).

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 28 (Hai mươi tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 56 tháng kể từ ngày tuyên án 18/8/2023.

Xử phạt Nguyễn Duy H 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 52 tháng kể từ ngày tuyên án 18/8/2023.

Giao các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Duy H cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của từng bị cáo, nếu bị cáo nào cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo đó phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo.

2.2. Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Quách Công V, Nguyễn Duy H đảm nhiệm chức vụ trong 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt chính.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; khoản 5 Điều 275; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận thỏa thuận của các bị cáo và các bị hại; buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho 35 hộ dân tại xóm B, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, cụ thể: đối với các hộ dân không có đất trả lại thì các bị cáo phải bồi thường số tiền 200.000đ/m² nhân với diện tích đất được giao, trừ đi chi phí đo đạc bình quân là

1.571.429đ/hộ, gồm:

Hộ bà Bùi Thị N số tiền là 68.428.571 (Sáu mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Quách Thị V số tiền 17.748.571 (Mười bảy triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Bùi Minh D số tiền 9.048.571 (Chín triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị Cẩm L số tiền 9.048.571 (Chín triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Quách Văn H số tiền 10.908.571 (Mười triệu, chín trăm linh tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Quách K số tiền 13.088.571 (Mười ba triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị C1 số tiền 13.088.571 (Mười ba triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị H số tiền 23.968.571 (Hai mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Quách Thị V số tiền 16.948.571 (Mười sáu triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị Q số tiền 20.908.571 (Hai mươi triệu, chín trăm linh tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Quách Công X số tiền 24.213.571 (Hai mươi tư triệu, hai trăm mười ba nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Bùi Văn H số tiền 18.428.571 (Mười tám triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Bùi Văn C1 số tiền 18.428.571 (Mười tám triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Đối với những hộ dân có đất tự nguyện trả lại thì các bị cáo phải bồi thường số tiền $200.000\text{đ}/\text{m}^2$ x diện tích đất được giao, trừ đi số tiền đã nhận bồi thường khi trả đất và chi phí đo đạc bình quân là 1.571.429đ/hộ, gồm:

Hộ bà Bùi Thị C2 (hai thửa) tổng số tiền 15.352.142 (Mười lăm triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi hai) đồng;

Hộ ông Quách Văn N số tiền 578.571 (Năm trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị L số tiền 2.208.571 (Hai triệu, hai trăm linh tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Bùi Văn C2 số tiền 2.438.571 (Hai triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Bùi Văn D số tiền 3.413.571 (Ba triệu, bốn trăm mười ba nghìn, năm

trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị Đ số tiền 26.943.571 (Hai mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị M số tiền 2.111.429 (Hai triệu, một trăm mười một nghìn, bốn trăm hai mươi chín) đồng;

Hộ ông Quách T số tiền 3.567.429 (Ba triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi chín) đồng;

Hộ ông Quách Văn Đ số tiền 1.058.571 (Một triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Bùi Văn N số tiền 4.913.571 (Bốn triệu, chín trăm mười ba nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị D số tiền 14.312.571 (Mười bốn triệu, ba trăm mười hai nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Quách Văn Q số tiền 2.098.571 (Hai triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Quách Công T số tiền 288.571 (Hai trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Quách Thị K số tiền 13.624.571 (Mười ba triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Quách Hồng L số tiền 2.733.571 (Hai triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị H số tiền 5.283.571 (Năm triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị T1 số tiền 33.128.571 (Ba mươi ba triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị T2 số tiền 16.118.571 (Mười sáu triệu, một trăm mười tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ ông Bùi Văn C3 số tiền 4.011.429 (Bốn triệu, không trăm mười một nghìn, bốn trăm hai mươi chín) đồng;

Hộ ông Quách Công D số tiền 3.443.571 (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng;

Hộ bà Bùi Thị Đ số tiền 9.438.571 (Chín triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng.

Hộ bà Bùi Thị C3 số tiền 5.643.571 (năm triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng.

Tiền bồi thường được khấu trừ từ khoản tiền 710.665.000 đồng các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn để khắc phục hậu quả; 600.000.000 đồng các bị cáo nộp theo Biên lai thu tiền số 0002815 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; 110.665.000 đồng bị cáo Quách Công V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002824 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Lạc Sơn.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, phát mại và nộp vào ngân sách nhà nước 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Vaio Sony của Nguyễn Duy H.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho số NK 0044 ngày 14/6/2023).

Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước 292.446.444 (Hai trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn) số tiền còn lại của khoản tiền 710.665.000đ các bị cáo đã nộp (theo Biên lai thu tiền số 0002815 ngày 14/6/2023 và Biên lai thu tiền số 0002824 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn) sau khi các bị cáo thực hiện xong các khoản bồi thường.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Quách Công V, Bùi Văn H, Nguyễn Duy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Cơ quan điều tra – CA Lạc Sơn;
- Các bị cáo; Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn